

Bản án số: 08/2019/KDTM-ST
Ngày 10-5-2019
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán
hàng hóa.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ MỸ, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Xuân Hưng

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Nhung.

2. Bà Đỗ Thị Lê.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Ông Đặng Quang Nam, Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 05 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu xét xử công khai vụ án kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số 02/2019/TLST- KDTM ngày 09 tháng 01 năm 2019 về “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2019/QĐXXST- KDTM ngày 01 tháng 04 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2019/QĐ-ST ngày 19/4/2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Công Ty cổ phần Tư vấn Kỹ thuật H.

Địa chỉ: Số M đường T, phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Hoàng Thị Bích H, chức vụ: Giám đốc (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Công ty TNHH M.

Địa chỉ: Khu công nghiệp P, phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông D, chức vụ: Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

Công ty TNHH cổ phần Tư vấn Kỹ thuật H (gọi tắt là Công ty H) có ký kết hợp đồng cung cấp hàng hóa (chủ yếu là dây hàn) cho Công ty TNHH M (gọi tắt là Công ty M) từ năm 2016 đến tháng 4 năm 2018.

Ngày 26/4/2018 Công ty cổ phần Tư vấn H giao lô hàng cuối cùng (Bảo hộ lao động), sau đó Công ty M đột nhiên dừng hoạt động, không có bất kỳ

thông báo nào. Tính đến tháng 4/2018 số tiền Công ty M còn nợ lại của Công ty H là 584.697.450 đồng.

Nay Công ty cổ phần Tư vấn Kỹ thuật H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- Buộc Công ty M thanh toán cho Công ty cổ phần Tư vấn Kỹ thuật H 584.697.450 đồng tiền gốc và 31.183.864 đồng tiền lãi tạm tính theo lãi suất 8%/năm từ thời điểm ngày 26/4/2018 đến ngày 04/12/2018. Tổng cộng số tiền Công ty M phải thanh toán là 615.881.314 đồng

- *Đối với bị đơn Công ty TNHH M:* Tòa án đã triệu tập bị đơn nhiều lần nhưng phía bị đơn vẫn không đến Tòa án làm việc mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không chấp hành, vi phạm quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Về nội dung tranh chấp: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả số tiền mua hàng con nợ là 584.697.450 đồng (**Năm trăm tám mươi bốn triệu, sáu trăm chín mươi bảy ngàn bốn trăm năm mươi đồng**) và lãi suất chậm trả theo quy định của pháp luật

Về án phí: Buộc bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, Tòa án nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật: Công ty cổ phần Tư vấn Kỹ thuật H khởi kiện Công ty TNHH M có địa chỉ trụ sở tại Khu công nghiệp P, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, yêu cầu thanh toán tiền mua bán hàng hóa. Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu và quan hệ pháp luật của vụ án là “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*”.

[2] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng:

Bị đơn - Công ty M không có yêu cầu phản tố đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung vụ án và yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn:

[3.1] Xét tính hợp pháp của các đơn hàng số P.O.No:2018 – 03-61 ngày 20/3/2018, P.O.No:2018 – 04- 41 ngày 12/4/2018, P.O.No:2018 – 03-108 ngày 29/3/2018, P.O.No:2018 – 03-101 ngày 28/3/2018, P.O.No:2018 – 03-109 ngày 29/3/2018 thì thấy: Khi giao kết hợp đồng, Công ty H và Công ty M đều là pháp nhân. Các Đơn đặt hàng nêu trên được giao kết trên cơ sở tự nguyện, được lập thành văn bản, có chữ ký xác nhận của ông D là người đại diện theo pháp luật của Công ty M, đồng thời nội dung hợp đồng mua bán hàng hóa là sản phẩm dây hàn, dây hàn lõi thuốc, sơn, quần áo bảo hộ lao động, không nằm trong danh mục hàng cấm kinh doanh và phù hợp với phạm vi đăng ký kinh doanh đã đăng ký với cơ quan nhà nước. Do đó, các đơn đặt hàng nêu trên là hình thức hợp đồng mua bán hàng hóa phù hợp quy định tại Điều 24 Luật Thương mại năm 2005 và có hiệu lực.

[3.2] Xét việc thực hiện các đơn hàng thì thấy: Sau khi chấp nhận đơn đặt hàng, vào các ngày 26/4/2018, 14/4/2018, 05/4/2018 Công ty H đã giao đủ hàng hóa theo đơn đặt hàng cho Công ty M tại kho hàng của Công ty M tại địa chỉ Khu công nghiệp Mỹ Xuân A2 và Phú Mỹ. Kể từ khi nhận hàng đến nay, Công ty M không có ý kiến khiếu nại gì về số lượng, chất lượng hàng hóa được giao. Như vậy có đủ cơ sở để khẳng định Công ty H đã thực hiện xong nghĩa vụ của bên bán hàng cho Công ty M theo đúng quy định tại Điều 34, 35, 36, 37 Luật thương mại.

[3.3] Về số tiền thanh toán và thời hạn thanh toán: Tại các đơn đặt hàng thì các bên thỏa thuận với nhau là bên Công ty M sẽ thanh toán 100% trong thời gian 15 ngày sau khi nhận được hóa đơn VAT do Công ty H xuất. Nhưng đến nay, Công ty TNHH M chưa thanh toán tiền nợ mua bán hàng hóa theo các hóa đơn, cụ thể như sau:

- Hóa đơn số 0000096 ngày 05/4/2018 về việc nguyên đơn cung cấp 510 kg dây hàn lõi thuốc cho bị đơn với số tiền là 23.562.000 đồng.

- Hóa đơn số 0000097 ngày 05/4/2018 về việc nguyên đơn cung cấp 680 lít sơn cho bị đơn với số tiền là 23.562.000 đồng.

- Hóa đơn số 0000098 của ngày 05/4/2018 về việc nguyên đơn cung cấp 4.065 kg dây hàn lõi thuốc (loại 1.6mm) và 3.390kg (loại 1.2mm) cho bị đơn với số tiền là 344.421.000 đồng.

- Hóa đơn số 0000099 ngày 13/4/2018 về việc nguyên đơn cung cấp 990kg dây hàn Hyundai cho bị đơn với số tiền là 39.421.800 đồng.

- Hóa đơn số 0000001 ngày 26/4/2018 về việc nguyên đơn cung cấp dây quần áo bảo hộ lao động cho bị đơn với số tiền là 121.825.000 đồng.

Cùng với các hóa đơn trên là biên bản giao nhận hàng hóa giữa Công ty Hoàng Gia và Công ty M.

Số tiền Công ty M chưa thanh toán cho Công ty H là 584.697.450 đồng. Việc Công ty M chưa thanh toán cho Công ty H là vi phạm thời hạn thanh toán quy định tại Điều 55 Luật Thương mại năm 2005.

[3.4] Xét yêu cầu tính lãi chậm thanh toán của phía nguyên đơn thì thấy:

Do Công ty M không thanh toán tiền mua hàng hóa khi đến hạn nên phải trả số tiền lãi do chậm thanh toán theo quy định tại Điều 306 Luật Thương mại năm 2005. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận đối với yêu cầu khởi kiện của

nguyên đơn về việc yêu cầu Công ty TNHH M phải trả tiền lãi do chậm thanh toán.

Tòa án đã tiến hành xác minh mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm xét xử là 13,35 %/ năm. Do Công ty H chỉ yêu cầu mức lãi suất 08%/năm, là mức lãi suất thấp hơn mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường và phù hợp quy định tại Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

Hội đồng xét xử xác định tiền lãi chậm thanh toán của Công ty cổ phần kỹ thuật H được tính từ ngày 26/4/2019 đến ngày xét xử (10/5/2019) được tính tròn là 12 tháng cụ thể như sau:

584.697.450 đồng x 8%/năm x 12 tháng = 46.775.796 đồng.

Từ những phân tích trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc phía Công ty M phải thanh toán cho Công ty H số tiền mua hàng còn nợ là **584.697.450 đồng** và số tiền lãi chậm thanh toán là **46.775.796 đồng**, tổng cộng số tiền là **631.473.246 đồng**

[3.5] Bị đơn trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên toà hôm nay: Tòa án đã tiến hành niêm yết đơn khởi kiện, các tài liệu, chứng cứ kèm theo, thông báo thụ lý vụ án, quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định pháp luật cho Công ty M biết, tuy nhiên cho đến thời điểm xét xử, Công ty M không cung cấp cho Tòa án được tài liệu, chứng cứ chứng minh đã trả số tiền nợ trên cho Công ty cổ phần tư vấn- Kỹ thuật H. Việc Công ty M trong suốt quá trình giải quyết vụ án đã vắng mặt, không cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình nên phải chịu hậu quả về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình đã được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về án phí sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên Công ty TNHH M phải nộp án phí có giá ngạch là: **29.258.000 đồng** (hai mươi chín triệu, hai trăm ba mươi ba ngàn đồng).

Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí cho Công ty cổ phần tư vấn kỹ thuật H.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 227, 228, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 24, 50, 55, 306 Luật thương mại năm 2005; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần tư vấn kỹ thuật H đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn M về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*”.

1. Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn M phải thanh toán cho Công ty cổ phần tư vấn kỹ thuật H **631.473.246đ** (Sáu trăm ba mươi một triệu, bốn trăm bảy mươi ba ngàn hai trăm bốn mươi sáu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án không trả số tiền trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả thêm cho người được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn M phải chịu **29.258.000đồng** (hai mươi chín triệu, hai trăm năm mươi tám ngàn đồng).

Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí cho Công ty cổ phần tư vấn kỹ thuật H là 14.317.000 đồng (Mười bốn triệu ba trăm mười bảy ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006759 ngày 08/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án”.

3. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- VKSND thị xã Phú Mỹ;
- Chi cục THADS thị xã Phú Mỹ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Phạm Xuân Hưng